TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 29 - 5 - 2018
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoan.

2. Ông Vũ Đình Đồng.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Vương Đình Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2018/TLST - HNGĐ ngày 05/4/2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 18/5/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1978.

ĐKHKTT: thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn*: Anh Lê Văn T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương;

Chị Thu, anh Thanh có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Đặng Thị T là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Lê Văn T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 28/12/1998. Vợ chồng hạnh phúc được gần 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T thường hay ghen tuông, không tôn trọng chị, nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương từ ngày 16/02/2018 cho tới nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng

giữa chị và anh Thanh không còn, không thể đoàn tụ chung sống với nhau được nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có ba con chung là Lê Thị H, sinh ngày 04/01/2000; Lê Thị Thúy N, sinh ngày 23/02/2006 và Lê Đức A, sinh ngày 24/6/2012. Con Lê Thị H đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con Lê Thị Thúy N và con Lê Đức A hiện đang ở với chị, ly hôn chị đề nghị nuôi con Lê Đức A, còn anh T nuôi con Lê Thị Thúy N, không ai phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc anh Lê Văn T là bị đơn trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống giữa anh chị đúng như chị T trình bày, vợ chồng hạnh phúc được gần 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T sống không chung thủy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ từ ngày 16/02/2018 cho tới nay. Vợ chồng đã ly thân, không ai quan tâm tới ai. Nay chị T xin ly hôn với anh, anh xác định cũng không còn tình cảm với chị T, nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có ba con chung như chị T trình bày là đúng, ly hôn con Lê Thị H đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, con Lê Thị Thúy N và con Lê Đức A hiện đang ở với chị T, ly hôn anh đề nghị được nuôi con Lê Đức A, còn chị T nuôi con Lê Thị Thúy N; không ai phải cấp dưỡng cho ai; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của con Lê Thị Thúy N nguyện vọng muốn ở với anh T.

Tại phiên tòa:

Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T, anh T nhất trí ly hôn với chị T; về con chung cả hai anh chị đều đề nghị nuôi con Lê Đức A; không ai phải cấp dưỡng cho ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đưa vụ án ra xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều: 70, 71, 72 của BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều: 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí toà án. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị

T và anh Lê Văn T; về con chung: giao con Lê Đức A, sinh ngày 24/6/2012 cho chị Đặng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Lê Thị Thúy N, sinh ngày 23/02/2006 cho anh Lê Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về án phí: chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 28/12/1998. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc được gần 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương từ ngày 16/02/2018, anh chị sống ly thân không ai quan tâm tới ai, giữa anh chị cũng không có biện pháp gì cải thiện quan hệ tình cảm. Nay cả chị T, anh T đều nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T, anh T thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Sự tự nguyện ly hôn của chị T, anh T không trái pháp luật. Do vậy, căn cứ các điều: 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị T và anh Lê Văn T.

[2]. Về quan hệ con chung: Chị T, anh T có ba con chung, con Lê Thị H đã trưởng thành anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T và anh T đều có nguyện vọng nuôi con Lê Đức A, con Lê Thị Thúy N có nguyện vọng ở với anh T. Xét nguyện vọng nuôi con của anh chị là chính đáng, phù hợp với tình cảm của người làm cha và mẹ. Anh T đi làm công trình xây dựng không thường xuyên có mặt ở nhà, chị T có công việc ổn định làm gần nhà, con Lê Đức A còn nhỏ cần sự quan tâm gần gũi của mẹ. Do vậy, giao con Lê Đức A cho chị T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao con Lê Thị Thúy N cho anh T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị T, anh T không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Như vậy là phù hợp các điều: 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về quan hệ tài sản chung: Chị T, anh T không yêu cầu nên không phải đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị T và anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Xử giao con Lê Đức A, sinh ngày 24/6/2012 cho chị Đặng Thị T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao con Lê Thị Thúy N, sinh ngày 23/02/2006 cho anh Lê Văn T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng (*hiện nay cả hai con đang ở với chị T)* kể từ tháng 6/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị T, anh T không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Chị T, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng*(ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình), được đối trừ vào số tiền mà chị đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2016/0003132 ngày 05/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ;
- UBND thị trấn T, huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Văn Tú